

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2018/KDTM-PT**
Ngày: 23/01/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nga

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Đình Tiến

: Bà Ngô Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: Ông Phạm Thành Vân – Kiểm sát viên (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trong các ngày 22, 23 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 121/2017/TLPT ngày 16/11/2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận HM bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐ-PT ngày 28/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên HT

Địa chỉ: 72 LN, MĐ, HM, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng D

Trú tại: Phòng 112A-A3, VH, P. TQ, ĐĐ, Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Công ty Cổ phần thép TP

Địa chỉ: Km9, quốc lộ 1A, P. HM, Q. HM, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Đăng T và ông Nguyễn Hà A, Luật sư văn phòng luật sư TG, đoàn luật sư TP Hà Nội

(Ông T vắng mặt, ông A có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên HT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên HT do ông Đặng Hoàng D đại diện hợp pháp bày:

Ngày 11/11/2009, Công ty HT ký Hợp đồng kinh tế số 03-09/HT-TP và phụ lục số 01 với Công ty Cổ phần thép TP với nội dung Công ty HT bán cho Công ty TP 816,97 tấn (+/-10%) Thép cán nóng, dạng cuộn JIS G3101/G3131, xuất xứ Nhật Bản, Size: 1.2 - 12.7mm x 853mm up x coil

Tổng giá trị hợp đồng là 7.422.000.000 đồng (Bảy tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu đồng chẵn, +/- 10%). Tỷ giá tạm tính 1USD = 18.500VNĐ. Giá trên là giá tạm tính đã bao gồm thuế VAT. Trong trường hợp chính sách thuế thay đổi thì giá trị hợp đồng sẽ được thay đổi cho phù hợp.

Thời hạn giao hàng và nhận hàng trong tháng 11 và tháng 12/2009. Trong vòng 02 ngày kể từ ngày công ty HT thông báo cho Công ty Cổ phần thép TP nhận hàng, Công ty Cổ phần thép TP phải bố trí cán bộ để tiếp nhận hàng.

Công ty TP thanh toán cho Công ty HT bằng tiền mặt VNĐ hoặc chuyển séc hoặc chuyển khoản. Bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 8% trị giá hợp đồng, áp dụng theo mức phạt của Luật thương mại.

Ngày 08/01/2010 hai bên đã ký biên bản nhận nợ. Công ty TP xác nhận nợ công ty HT 387.872,97 USD (Ba trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi bảy Đô la Mỹ và chín mươi bảy xen). Số tiền nhận nợ này đã trừ đi số tiền công ty TP đặt cọc ngày 12/01/2009 là 1.114.000.000VNĐ, thời gian tính lãi ngân hàng là từ ngày 08/01/2010 đến ngày 08/06/2010 trên trị giá lô hàng chưa thanh toán là 328.601,67 USD, lãi suất 9.7%/năm. Từ ngày 09/04/2010 trở đi lãi suất tính là 7.5%/năm.

Ngày 12/01/2010 công ty HT đã giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng, hai bên đã làm biên bản giao nhận hàng.

Ngày 09 tháng 07 năm 2010, công ty TP có công văn số 10/CV-TP10 gửi HT đề nghị sẽ thanh toán nợ theo kế hoạch cụ thể của từng tuần đến khi thanh toán hết nợ. Ngày 12 tháng 07 năm 2010, công ty HT có công văn số 96/HT-KD5 phúc đáp công văn trên của công ty TP, yêu cầu công ty TP thực hiện nghiêm túc hợp đồng đã ký kết và công ty TP phải trả nợ gấp khoản nợ theo hợp đồng.

Ngày 14/07/2010 đến ngày 05/10/2010, công ty TP đã thanh toán tiếp cho HT 13 lần với tổng cộng số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), tương đương 257.379,01 USD quy đổi theo tỷ giá Ngân hàng vào từng thời điểm thanh toán. Từ ngày 05/10/2010 công ty TP không thanh toán cho công ty HT nữa.

Công ty HT yêu cầu Công ty Thép TP phải thanh toán: Nợ gốc là 1.821.360.000 đồng. Nợ Lãi chậm trả: 504.184.000 đồng, Tiền phạt vi phạm: 545.778.000 đồng. Tổng cộng 2.871.253.702 đồng cụ thể:

-Nợ gốc: Tính đến ngày 05/10/2010 công ty TP còn nợ công ty TNHH-MTV HT số tiền 76.573,66 USD (tương đương 1.503.140.945 VNĐ). Tiền nợ thuế VAT còn thiếu là 120.393.793 VNĐ, tiền phạt chậm nộp thuế là 2.080.744 VNĐ.

- Về lãi suất: Tại biên bản nhận nợ ngày 08/01/2010 hai bên đã thỏa thuận thời gian tính lãi từ ngày 08/01/2010 đến 08/06/2010 trên giá trị lô hàng là 328.601,67 USD. Trên cơ sở này, Công ty HT đã tính số lãi công ty TP còn nợ tính đến ngày 25/02/2011 là: 23.226,6 USD (tương đương 499.139.634 VNĐ)

- Về phạt vi phạm hợp đồng: Công ty HT đề nghị công ty TP phải thanh toán tiền phạt hợp đồng 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Số tiền phạt là 26.716,21 USD (tương đương 574.131.352 VNĐ).

- Về chi phí ủy thác: Tại biên bản nhận nợ ngày 08/01/2010 phía bên TP đã đồng ý trả công ty HT chi phí này. Đây là thỏa thuận bổ sung hợp đồng mua bán ngày 11/11/2009. Thực tế công ty HT không ký hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa với bên thứ ba. Vì vậy công ty HT không có chứng từ về việc ủy thác mua bán.

- Về tiền thuế VAT: Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên tại phụ lục hợp đồng thì công ty TP phải trả cho công ty HT toàn bộ thuế VAT. Công ty HT đã yêu cầu công ty TP phải trả số tiền thuế VAT là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng; có hóa đơn kèm theo). Công ty HT đã phát hóa đơn giá trị gia tăng ngày 18/01/2010 số tiền thuế là 724.560.000 đồng (bảy trăm hai bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền này công ty HT đã nộp vào ngân sách nhà nước. Ngày 22/02/2010 công ty TP đã chuyển cho công ty TNHH-MTV HT 693.582.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn) tiền thuế VAT, còn thiếu là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền thuế VAT theo hóa đơn đã phát hành.

- Về tiền phạt chậm nộp thuế: Theo thỏa thuận thì Công ty TP phải chuyển toàn bộ số tiền thuế VAT và thuế nhập khẩu theo thông báo thuế của cơ quan hải quan nơi thông quan. Nhưng do phía công ty TP chuyển chậm tiền nên hải quan Hải Phòng đã phạt công ty HT 2.080.744 đồng tiền chậm nộp thuế. Vì vậy yêu cầu Công ty TP thanh toán khoản này

- Về phí ngân hàng: Khi HT mở L/C tại ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội chi nhánh Cầu Giấy, ngân hàng đã tính phí là 1.403,07 USD. Theo thỏa thuận, yêu cầu công ty TP có trách nhiệm thanh toán khoản này.

Công ty HT đề nghị Tòa án buộc Công ty TP phải trả toàn bộ số tiền hàng còn thiếu 2.841.314.336 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần thép TP do ông Lê Đăng T và ông Nguyễn Hà A đại diện trình bày:

Ngày 11/11/2009, Công ty CP Thép TP đã ký Hợp đồng kinh tế số 03-09/HT-TP và phụ lục số 01 với Công ty HT - Bộ Quốc phòng với nội dung công ty HT bán hàng hóa cho công ty TP với số lượng hàng hóa như công ty HT trình bày.

Công ty CP TP xác nhận đã trả tiền hàng cho Công ty HT đến ngày 05/10/2010 tổng số tiền 6.860.581.999 đồng. Số nợ gốc TP còn nợ là 561.418.001 đồng. Công ty TP sẽ thanh toán đủ cho công ty HT số tiền này

Về lãi xuất: Công ty TP chấp nhận trả cho công ty HT tiền lãi trả chậm theo quy định của ngân hàng tính từ ngày giao hàng. Theo tính toán của TP thì tổng số lãi suất tính từ tháng 01/2010 đến nay khoảng 500.000.000 đồng.

Công ty TP không thống nhất với phương thức thanh toán bằng tiền USD theo biên bản nhận nợ ngày 08/01/2010. Công ty CP TP chỉ chấp nhận thanh toán trên tổng giá trị hợp đồng đã ký kết theo tiền VNĐ

Về phạt hợp đồng: Công ty TP không đồng ý phạt hợp đồng. Vì công ty CP TP vẫn đang tiếp tục thanh toán trả công ty HT nên Công ty TP không vi phạm hợp đồng

Về số tiền VAT và phạt chậm nộp thuế theo yêu cầu của nguyên đơn, Công ty TP không có nghĩa vụ phải trả vì hợp đồng đã ghi cụ thể

Về chi phí ủy thác, Công ty TP không đồng ý trả vì TP chỉ mua hàng của HT, TP không mua hàng qua trung gian.

Công ty TP đề nghị công ty HT chuyển hóa đơn để công ty Công ty TP thanh toán hết số nợ. Công ty TP chỉ chấp nhận thanh toán số tiền 802.000.000 đồng bao gồm cả lãi suất quá hạn.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2011/KDTM-ST ngày 06 và 09/4/2011 Tòa án nhân dân Quận HM xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của công ty HT, buộc công ty CP Thép TP phải thanh toán cho công ty HT những khoản sau:

- Khoản tiền hàng còn phải thanh toán là 561.418.000 đồng
- Khoản tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 297.660.264 đồng
- Khoản tiền phạt hợp đồng là 44.913.440 đồng
- Khoản tiền phạt chậm nộp thuế: 2.080.744 đồng

Tổng số tiền công ty CP thép TP phải thanh toán trả công ty TNHH-MTV HT là 906.072.500 đồng

Về án phí: Công ty HT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.955.500 đồng. Xác nhận công ty HT đã nộp tạm ứng án phí 43.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000222 ngày 06/1/2011 của chi cục Thi hành án dân sự

quận HM. Công ty HT còn phải nộp tiền án phí kinh doanh sơ thẩm là: 27.955.500 đồng.

Công ty CP Thép TP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 39.182.000 đồng án phí kinh doanh thương mại.

Tại bản án số 16/2011/KDTM-PT ngày 19/7/2011 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2011/KDTM-ST ngày 06 và 09/4/2011 của Tòa án nhân dân quận HM cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của công ty HT Buộc công ty CP Thép TP phải thanh toán cho công ty HT các khoản tiền sau:

- Khoản tiền hàng còn phải thanh toán là 1.690.233.428 đồng
- Tiền phạt chậm nộp thuế : 2.080.744 đồng
- Tiền phạt hợp đồng: 535.218.674 đồng
- Khoản tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 461.120.288,6 đồng
- Tổng cộng: 2.688.653.135 đồng

Về án phí: Công ty HT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Công ty HT phải chịu 9.130.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 43.000.000 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000222 ngày 06/1/2011 của chi cục Thi hành án dân sự quận HM, công ty HT được hoàn lại 34.070.000 đồng.

Công ty CP thép TP phải chịu 85.773.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 73/2014/KDTM-GĐT ngày 29/12/2014 của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

1. Hủy bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2011/KDTM-PT ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2011/KDTM-ST ngày 9/4/2011 của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội xét xử lại từ đầu theo hướng không phạt vi phạm hợp đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2017/KDTM ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận HM đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty HT. Buộc Công ty TP phải thanh toán cho Công ty HT những khoản tiền sau:

- Tiền hàng còn phải thanh toán: 1.690.233.428 đồng
- Tiền phạt do chậm nộp thuế: 2.080.744 đồng.
- Tiền lãi chậm trả: 333.725.742 đồng
- Tổng số tiền phải thanh toán: 2.026.039.914 đồng.

Xác nhận Công ty TP đã trả cho Công ty HT 2.602.710.135 đồng theo biên lai thu tiền số 1689 ngày 16/11/2011 của chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Công ty HT phải hoàn trả lại cho công ty TP số tiền 2.602.710.135 - 2.026.039.914 = 576.670.221 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 03/10/2017 nguyên đơn Công ty HT đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2017/KDTM ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận HM.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn đề nghị xin rút một phần kháng cáo và yêu cầu chỉ kháng cáo về lãi chậm trả và tiền phạt hợp đồng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về cách tính lãi suất trên số tiền chậm trả của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty Cổ phần thép TP phải chịu phạt hợp đồng theo quy định.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cách tính lãi suất chậm trả của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp. Công ty thép TP vẫn thực hiện hợp đồng nên không phải chịu tiền phạt hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Tài liệu hồ sơ thể hiện Công ty HT và Công ty TP được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Tranh chấp về hợp đồng mua bán giữa hai Công ty là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận HM thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty HT kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung:

Tại hợp đồng kinh tế số 03-09 ngày 11/11/2009 giữa Công ty HT và Công ty TP thể hiện:

Về chủ thể ký hợp đồng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của các công ty thể hiện: người ký hợp đồng mua bán nêu trên là đại diện theo pháp luật của các công ty.

Việc ký kết hợp đồng kinh tế nêu trên, các bên đều tự nguyện nên thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại các điều 24, 34, 35 Luật thương mại và điều 428 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/9/2017, bị đơn là Công ty TP xác nhận tổng giá trị hợp đồng mua bán là 8.550.815.428 đồng và còn nợ tiền hàng là 1.690.233.428 đồng nên yêu cầu của Công ty HT về việc bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn thiếu là 1.690.233.428 là có căn cứ. Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Công ty TP thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 1.821.360.574 đồng, tiền lãi chậm trả 504.184.282 đồng, số tiền phạt vi phạm là 545.708.845 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại điều 3.2 của hợp đồng kinh tế các đương sự có thỏa thuận trong vòng 145 ngày kể từ ngày Công ty HT nhận nợ ngân hàng (từ ngày 08/10/2010), Công ty Thuần Phát phải thanh toán cho Công ty HT số tiền còn lại tương đương 85% giá trị hợp đồng. Quá thời hạn trên thì Công ty TP phải chịu phạt theo lãi suất chậm trả của ngân hàng nhưng không quá 05 ngày. Nếu quá thời hạn 05 ngày mà vẫn chưa thanh toán thì phải chịu phạt lãi suất 1%/ngày. Công ty TP cũng thừa nhận thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 03/6/2010 (Sau 145 ngày). Tuy nhiên, với thỏa thuận chịu lãi suất 1%/ ngày là quá cao, không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể điều 306 Luật thương mại quy định: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng ...thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo mức lãi suất của các ngân hàng thể hiện trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất là 13%/năm là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của Công ty TA về lãi suất chậm trả là không có căn cứ chấp nhận.

Về tiền phạt vi phạm hợp đồng: Tại điều 5 hợp đồng kinh tế có nội dung “ Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 8% giá trị hợp đồng áp dụng theo mức phạt của Luật thương mại”. Nhận thấy, Công ty TP vẫn thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận, không thay đổi hoặc hủy hợp đồng, nay chỉ chậm thanh toán thì phải chịu tiền lãi chậm thanh toán như đã nêu trên. Yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của Công ty HT là không có căn cứ chấp nhận

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về buộc công ty TP phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.690.233.428 đồng, tiền phạt do chậm nộp thuế là 2.080.744 đồng và tiền lãi chậm trả là có căn cứ nên kháng cáo của Công ty HT không được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty HT phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2017/KDTM ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận HM.

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 38, điều 147, khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ: Điều 385, điều 430, điều 440 Bộ luật dân sự 2005. Các điều 24,50,306 Luật thương mại 2005.

Căn cứ: Khoản 2 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần thép TP phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên HT các số tiền sau:

- Tiền hàng còn thiếu: 1.690.233.428 đồng
- Tiền phạt do chậm nộp thuế: 2.080.744 đồng
- Tiền lãi chậm trả: 333.725.742 đồng

Tổng số tiền phải thanh toán: 2.026.039.914 đồng.

Xác nhận Công ty Cổ phần thép TP đã thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên HT số tiền 2.602.710.135 đồng theo biên lai thu tiền số 1689 ngày 16/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Công ty HT phải hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần thép TP số tiền: 2.602.710.135 đồng - 2.026.039.914 đồng = 576.670.221 đồng

Kể từ sau ngày tuyên án, Công ty TNHH một thành viên HT phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty TNHH một thành viên HT phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và 25.408.746 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 1516 ngày 29/8/2011 và biên lai số 8948 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM. Công ty TNHH HT còn phải nộp tiếp số tiền là 16.278.746 đồng.

Công ty Cổ phần thép TP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 72.250.000 đồng, được trừ vào số tiền 85.773.000 đồng đã nộp theo biên lai số 243 ngày 16/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM, hoàn trả lại Công ty Cổ phần thép TP số tiền 13.253.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- TAND Q. HM;
- VKSNDTP Q. HM
- Cơ quan THADS Q. HM;
- Các đương sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nga